FireAnt

CTCP Thủy điện Thác Bà (HSX: TBC)

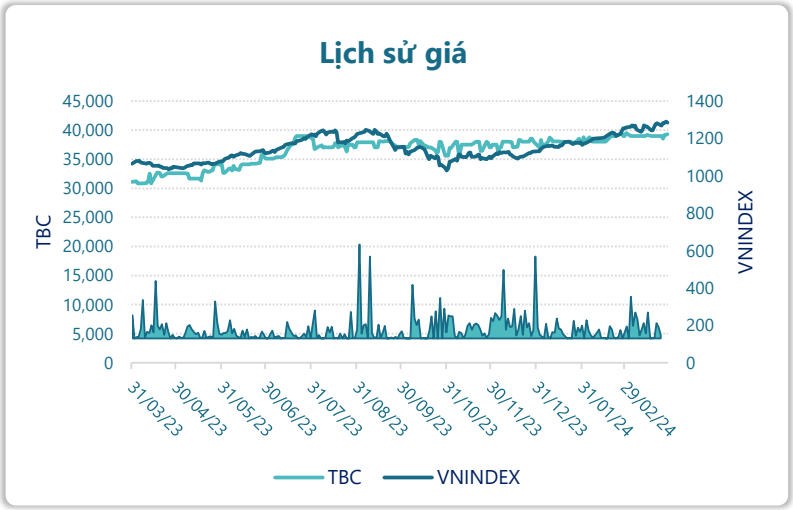

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**39,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,832
SL cổ phiếu LH	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,750
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,496
P/E	26.8
EPS	1,467

DT thuần

Q1/24

111

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00| 1.7%

YoY: ▼46.0| -29.4%

LN sau thuế

Q1/24

50.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.3| 32.3%

YoY: ▼29.0| -36.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

50.4%

+/- YoY: ▼ 14.2%

DT thuần

2023

431

tỷ VNĐ

YoY: ▼295| -40.6%

LN sau thuế

2023

169

tỷ VNĐ

YoY: ▼210| -55.5%

ROE

2023

9.3%

+/- YoY: ▼ 15.7%

Kết quả kinh doanh

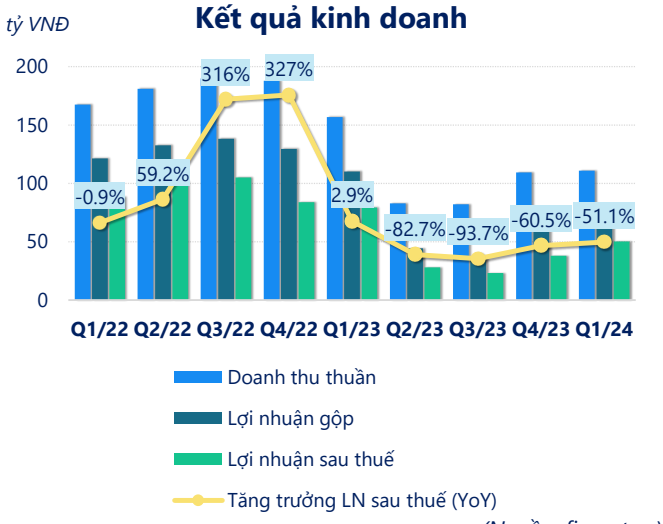

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

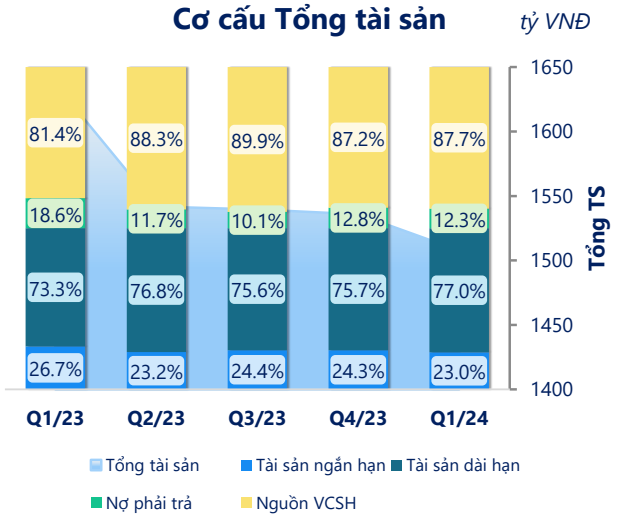

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

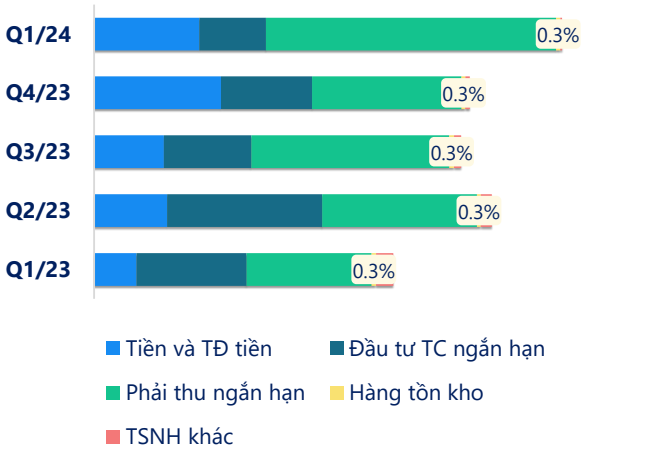

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

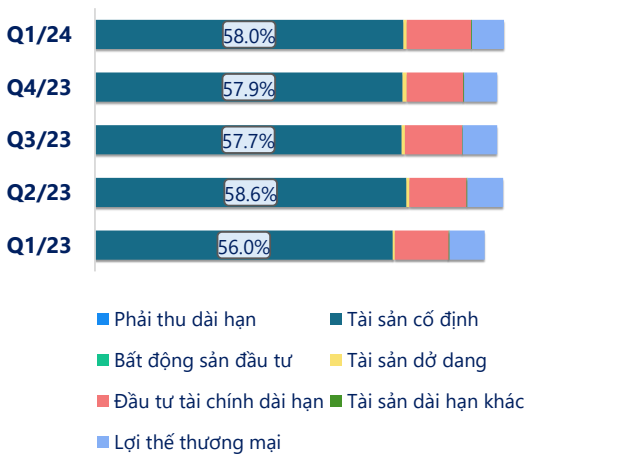

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

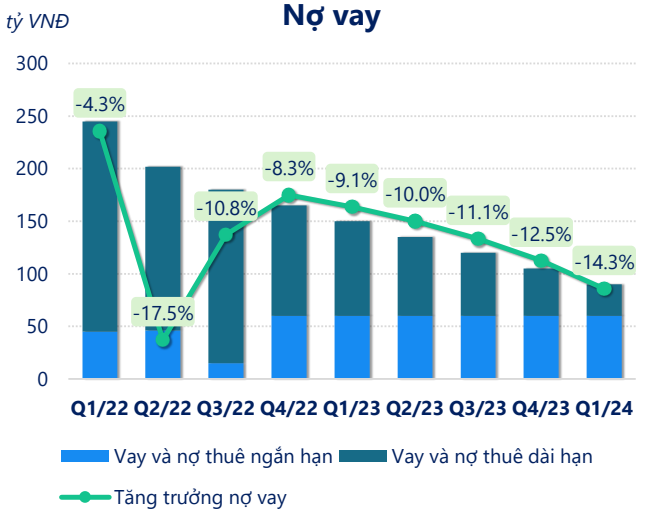

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

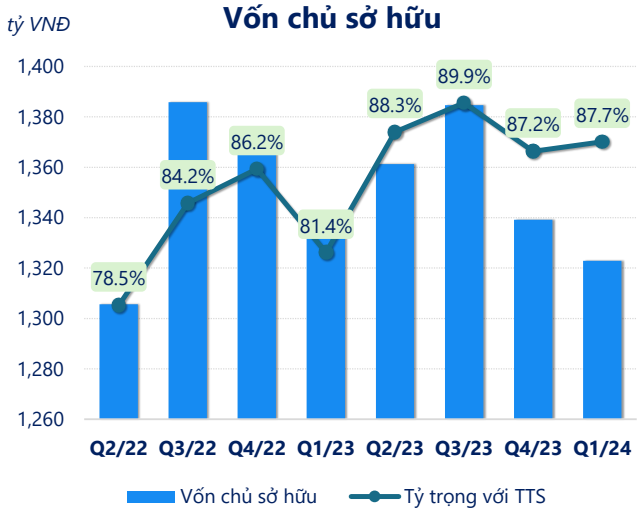

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

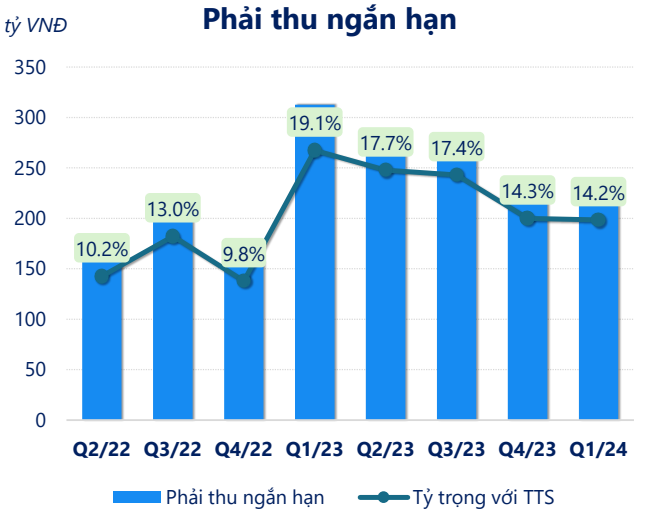

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

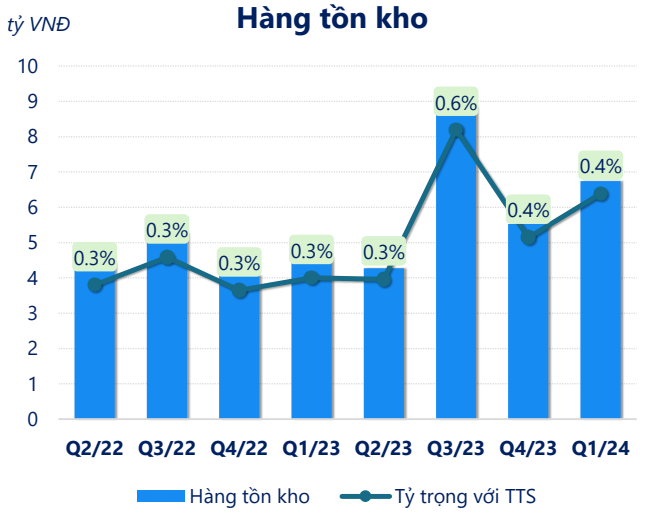

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

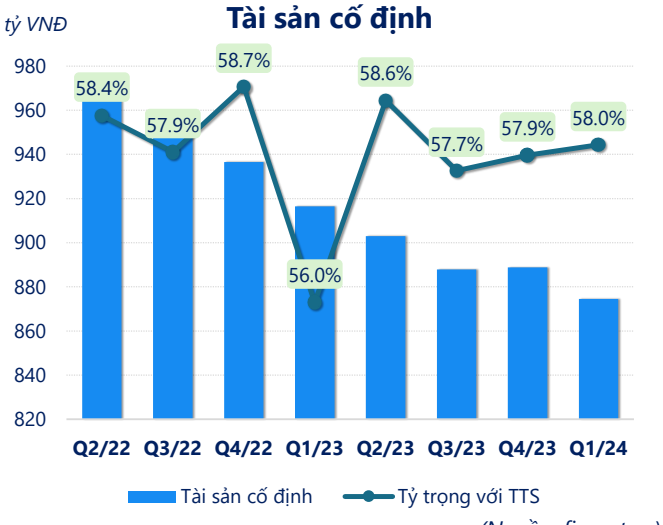

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

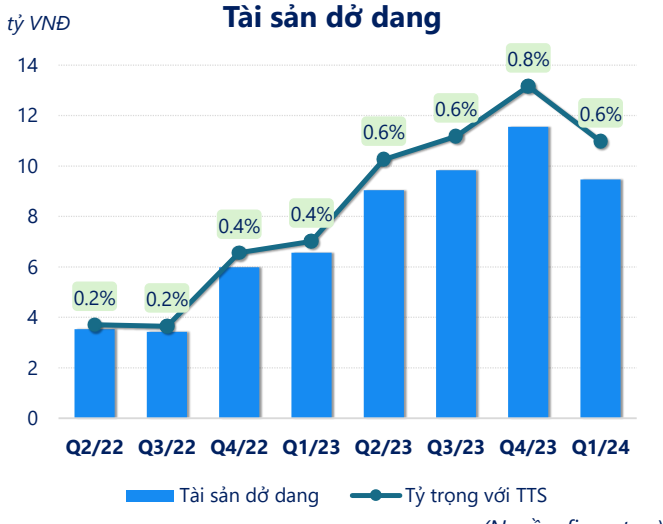

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

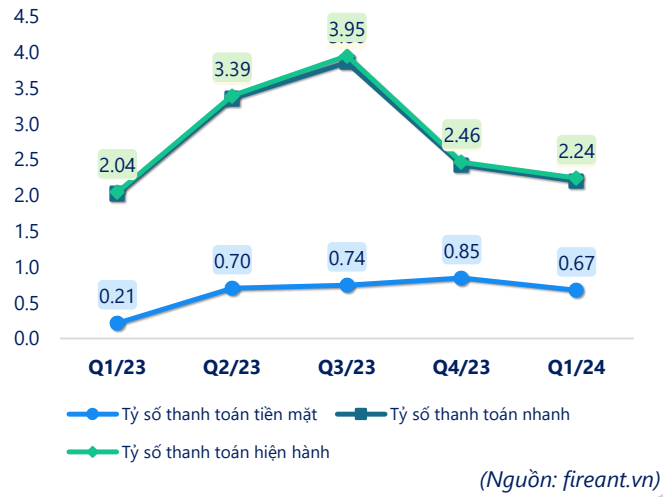

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

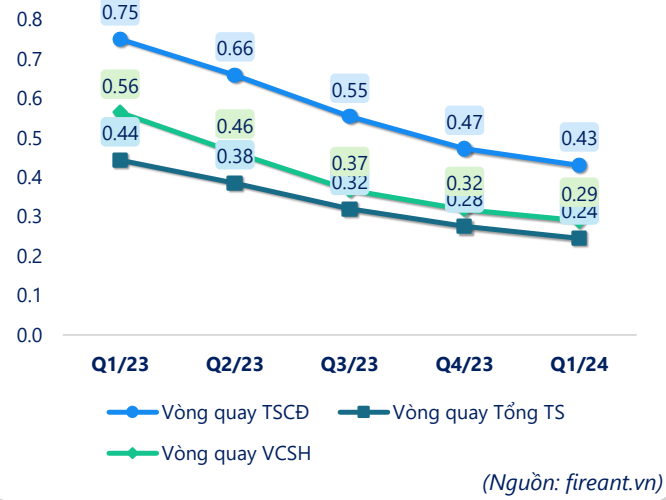

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,637**	**1,542**	**1,540**	**1,536**	**1,508**
Tài sản ngắn hạn	**437**	**358**	**375**	**374**	**348**
Tiền và tương đương tiền	45.8	74.2	70.7	128	104
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.0	5.80	27.0	10.0	22.0
Phải thu ngắn hạn	313	273	267	219	214
Hàng tồn kho	4.59	4.28	8.84	5.53	6.74
Tài sản ngắn hạn khác	1.97	0.95	1.27	10.4	0.83
Tài sản dài hạn	**1,200**	**1,184**	**1,165**	**1,162**	**1,160**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	916	903	888	889	874
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.56	9.04	9.84	11.6	9.46
Đầu tư tài chính dài hạn	166	165	165	163	182
Tài sản dài hạn khác	3.44	2.85	2.27	2.88	2.47
Lợi thế thương mại	108	104	99.7	95.6	91.5
Nợ phải trả	**304**	**180**	**155**	**197**	**185**
Nợ ngắn hạn	**214**	**105**	**94.9**	**152**	**155**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.0	60.0	60.0	60.0	60.0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.34	2.69	2.12	4.29	1.86
Nợ dài hạn	90.0	75.0	60.0	45.0	30.0
Vay và nợ thuê dài hạn	90.0	75.0	60.0	45.0	30.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,333**	**1,361**	**1,385**	**1,339**	**1,323**
Vốn chủ sở hữu	**1,333**	**1,361**	**1,385**	**1,339**	**1,323**
Vốn điều lệ	635	635	635	635	635
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)